TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 3 - 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

-*Người làm chứng:* Bà Trần Thị Thắc, sinh năm 1940

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Trần Duy T kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 10 năm 1996, được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M (nay là phường M) trên Th thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B luôn chơi bời cờ bạc và có quan hệ với những người phụ nữ khác, chị B có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe mà còn đánh đập chị. Vợ chồng căng thẳng, chị đã nhờ gia đình bố mẹ hai bên khuyên bảo nhưng

anh T không thay đổi. Năm 2016 chị và anh T đã tự sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 21/3/2000 và cháu Trần Duy B1, sinh ngày 01/3/2006. Nay vợ chồng ly hôn, chị B đề nghị được nuôi dưỡng cháu B1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Trần Duy B1 có nguyện vọng xin được ở cùng chị B.

Đối với cháu Trần Thị Ngọc D đã trưởng thành nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Duy T theo quy định pháp luật, tuy nhiên anh T đều không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị Thắc (mẹ anh T) cũng xác định cụ thể như sau: Anh T và chị B kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 10 năm 1996, được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M (nay là phường M) trên Th thần tự nguyện. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng với nhau về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Hiện chị B và anh T sống ly thân. Nay chị B xin ly hôn, anh T đồng ý, song do công việc bận anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn vắng mặt anh theo quy định của pháp luật. Về con chung, theo bà anh T đề nghị xin được nuôi cháu B1, xong bà xác định do công việc của anh T thường xuyên vắng nhà, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu B1 để đảm bảo cuộc sống cho cháu. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường M cung cấp: Chị B và anh T đăng ký hộ khẩu tại UBND phường M, thị xã Kinh Môn, hiện anh T vẫn đang sinh sống tại địa phương. Nay chị B xin ly hôn, anh T nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, thông qua quan điểm của bà Thắc (mẹ anh T) và có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung thì địa phương cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung, chị B đề nghị HĐXX giải quyết theo nguyện vọng đã trình bày. Cháu B1 giữ nguyên quan điểm xin được ở cùng chị B.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải

quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Trần Duy T. Về con chung: Giao cháu Trần Duy B1, sinh ngày 01/3/2006 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Trần Thị Ngọc D đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

Về chia tài sản: đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Chị B phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Trần Duy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án giải quyết anh Trần Duy T không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Duy T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Trần Duy T trên Th thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị B đề nghị xin ly hôn anh T, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện anh chị đã tự sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Anh T cũng nhất trí và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Trần Duy T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 21/3/2000 và cháu Trần Duy B1, sinh ngày 01/3/2006.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị B và anh T, cũng như nguyện vọng của cháu B1. Tuy nhiên, để đảm bảo cuộc sống cho cháu B1, phù hợp với điều kiện và nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên, nên cần chấp nhận giao cháu B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 21/3/2000 đã trưởng thành, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Chị B và anh T đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị B phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Duy B1, sinh ngày 01/3/2006 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 21/3/2000 đã trưởng thành, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007839 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị B đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Quốc Huy – Phạm Thị Chuộng	**Nguyễn Thị Hiền**

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Quốc Huy – Phạm Thị Chuộng	**Nguyễn Thị Hiền**

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Hòa Lâm,Ứng Hòa,T.P Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 09 tháng 3 năm 2019
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hiền
Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Phạm Thị Chuộng
2. Ông Bùi Quốc Huy

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 441/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Duy T. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

2. Về con chung: Giao cháu Trần Duy B1, sinh ngày 01/3/2006 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 21/3/2000 đã trưởng thành, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3 .

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

4. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007839 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị B đã nộp đủ.

Kết quả biểu quyết 3/3 .

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Huy – Phạm Thị Chuộng **Nguyễn Thị Hiền**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ 00 phút, ngày 21 tháng 02 năm 2020

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân : Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuộng.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 441/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu 1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào điều 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Trần Duy T vắng mặt tại phiên toà, HĐXX thảo luận và Quyết định hoãn phiên toà. Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà đ- ợc ấn định vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 09/3/2020 tại Trụ sở TAND thị xã Kinh Môn với các thành viên tham gia tố tụng theo nh- Quyết định đ- a vụ án ra xét xử.

Kết quả biểu quyết: 100%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Chuộng-Bùi Quốc Huy **Nguyễn Thị Hiền**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUY KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2019

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Ông Phạm Văn Biên

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ

án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1987.

ĐKHK: Khu Phúc Lâm, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Hiện ở: Khu Mạc Động, phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

-*Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Hùng, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu Phúc Lâm, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương và anh Hoàng Văn Hùng. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Phương Linh, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Hoàng Văn Hùng trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phương cấp dưỡng tiền nuôi con chung Hoàng Thị Phương Linh, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Hoàng Văn Hùng 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Linh đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Hùng yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà chị Phương chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Kết quả biểu quyết 3/3 .

4. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. *Kết quả biểu quyết 3/3* .

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001995 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị Phương còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết 3/3 .

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Biên – Phạm Thị Chuộng **Nguyễn Thị Hiền**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 201

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Thế Định và bà Đinh Thị T.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 441/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Minh Thu, sinh năm 1991

ĐKHK : Thôn Hà Tràng, xã Thăng Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Hiện ở : Thôn Nội, xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hữu Trường, sinh năm 1987.

Địa chỉ : Thôn Hà Tràng, xã Thăng Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào điều 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Phạm Hữu Trường vắng mặt tại phiên toà, HĐXX thảo luận và Quyết định hoãn phiên toà. Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà đ- ợc ấn định vào hồi giờ phút, ngày / /201 tại Trụ sở TAND huyện Kinh Môn với các thành viên tham gia tố tụng theo nh- Quyết định đ- a vụ án ra xét xử. *Kết quả biểu quyết: 100%*.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Định – Đinh Thị T **Nguyễn Thị Hiền**